

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 3 - 2020
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Độ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Võ Trung H, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 30/01/2020, biên bản hòa giải ngày 21/02/2020, nguyên đơn anh Võ Trung H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh với chị Nguyễn Kim T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi vã nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Anh H xác định giữa anh với chị T không còn

tình cảm với nhau, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Kim T.

- Về con chung: Anh H xác định trong thời gian chung sống anh và chị T có 01 người con tên Võ Nhật K sinh ngày 12/11/2012, hiện do chị T nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh thống nhất giao cháu K cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng cho cháu K mỗi tháng 1.000.000 đồng, mỗi tháng cấp dưỡng một lần cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ: Anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản hòa giải ngày 21/02/2020, bị đơn chị Nguyễn Kim T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T xác định về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn như anh H trình bày là đúng; chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H.

- Về con chung: Chị T thống nhất theo lời trình bày của anh H về con chung. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và thống nhất việc cấp dưỡng nuôi con chung như anh H trình bày.

- Về tài sản và nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Võ Trung H và chị Nguyễn Kim T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H, chị T.

[2] Về hôn nhân: Anh Võ Trung H với chị Nguyễn Kim T chung sống với nhau năm 2010, anh, chị xác lập mối quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Tại phiên hòa giải, anh H xác định giữa anh với chị T không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T, được chị T đồng ý. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận anh Võ Trung H với chị Nguyễn Kim T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Võ Trung H và chị Nguyễn Kim T có 01 người con tên Võ Nhật K sinh ngày 12/11/2012, hiện đang sống cùng với chị T, tại phiên hòa giải anh H và chị T thống nhất thỏa thuận giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung của anh H và chị T là hoàn toàn tự nguyện

không trái pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu K. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu K cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ; đối với việc cấp dưỡng nuôi con, chị T và anh H thỏa thuận anh H cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 1.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng thực hiện định kỳ mỗi tháng một lần, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ: Anh H và chị T xác định anh, chị không có tài sản chung, không có nợ ai và không ai nợ lại anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Anh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81; Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Võ Trung H và chị Nguyễn Kim T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Nhật K sinh ngày 12/11/2012 cho chị Nguyễn Kim T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Võ Trung H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu K mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), việc cấp dưỡng thực hiện định kỳ mỗi tháng một lần kể từ ngày 09/3/2020 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng cho con, kể từ ngày chị Nguyễn Kim T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Võ Trung H không tự nguyện thi hành thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

3. Về án phí:

+ Anh Võ Trung H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010265 ngày 30/01/2020 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Đầm Dơi; anh H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

+ Anh Võ Trung H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng); anh H chưa nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Anh H, chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tiêu Hồng Phụng